

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2024/HNGĐ-ST**
Ngày: 19-02-2024
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Tài

- Bà Bùi Thị Duyên

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hữu Văn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 461/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp “ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST –HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đào Thị N, sinh năm: 1982; địa chỉ: số 103/1 ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Thanh Đ, sinh năm: 1976; địa chỉ: số 103/1 ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Đào Thị N trình bày:

Chị và anh Huỳnh Thanh Đ tiến tới hôn nhân là do quen biết, có tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/12/2002. Kết hôn xong, vợ chồng sống chung cùng gia đình bên chồng, sống chung được khoảng 04 năm thì chị và anh Đ cắt nhà ra sống riêng. Cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc một thời gian có với 02 người con chung. Tuy nhiên, khoảng thời sau này vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, tính tình không

hợp nhau, bất đồng quan điểm, đã sống ly thân, anh Đ không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Chị có nhiều lần khuyên giải để anh Đ sửa đổi nhưng anh Đ vẫn không sửa đổi, từ đó mâu thuẫn giữa chị và anh Đ ngày một trầm trọng hơn. Chị và anh Đ không còn sống chung với nhau 06 tháng nay nhưng chị và anh Đ không có hàn gắn tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng dành cho anh Đ không còn, mâu thuẫn đã xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Đ có khuyên chị cho anh Đ cơ hội để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng chị không đồng ý. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: chị yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Thanh Đ, chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho chị khi ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung là Huỳnh Thị Ái M, sinh ngày 15/02/2001 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết và Huỳnh Thị Huyền T, sinh ngày 30/3/2008, hiện nay cháu Trang đang sống chung cùng chị, khi ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu Trang, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình tố tụng bị đơn anh Huỳnh Thanh Đ trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Đào Thị N về quá trình tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn. Kết hôn xong anh và chị Nhanh sống chung có hạnh phúc một thời gian đầu. Thời gian sau này có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm về kinh tế và những vấn đề khác, anh và chị Nhanh có cãi nhau và đã không còn sống chung khoảng 06 tháng nay. Tuy nhiên, anh đã nhiều lần khuyên giải chị Nhanh để vợ chồng cùng hàn gắn để lo cho con nhưng chị Nhanh không đồng ý và vẫn cương quyết ly hôn với anh. Do anh còn thương vợ, thương con mong muốn hàn gắn tình cảm nên anh không đồng ý ly hôn với chị Nhanh. Nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho chị Nhanh được ly hôn với anh thì anh có ý kiến như sau:

Anh không yêu chị Đào Thị N cấp dưỡng cho anh khi ly hôn.

Về con chung: anh và chị Đào Thị N có 02 con chung là Huỳnh Thị Ái M, sinh ngày 15/02/2001 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết và Huỳnh Thị Huyền T, sinh ngày 30/3/2008, khi ly hôn anh đồng ý giao cháu Trang cho chị Nhanh nuôi anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 8, 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị N; cho chị Đào Thị N ly hôn với anh Huỳnh Thanh Đ. Về con chung: Huỳnh Thị Ái M, sinh ngày 15/02/2001 đã trưởng thành, chị Nhanh và anh Đ không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết; chị Đào Thị N được trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Thị Huyền T, sinh ngày 30/3/2008, ghi nhận chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung: chị N và anh Đ trình bày không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết; nợ chung: chị N và anh Đ trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp “ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Anh Huỳnh Thanh Đ có đăng ký thường trú tại ấp Quí Thuận B, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: nguyên đơn chị Đào Thị N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn bà anh Huỳnh Thanh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[4] Về hôn nhân: Chị Đào Thị N và anh Huỳnh Thanh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân của chị N và anh Đ được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân chị N xin ly hôn với anh Đ là do trong thời gian chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Anh Đ thừa nhận anh và chị N có xảy ra mâu thuẫn nhưng không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N vì anh muốn hàn gắn lại tình cảm do anh còn thương vợ, thương con. Xét thấy, hiện nay chị N và anh Đ không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án, anh Đ không đồng ý ly hôn với chị N nhưng anh Đ không đưa ra được các biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị N và chị N vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Xét thấy, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng

giữa chị N và anh Đ là có thật được anh chị thừa nhận và phù hợp với biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của Tòa án nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh Đ. Chị N và anh Đ không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về con chung: Chị Đào Thị N và anh Huỳnh Thanh Đ có 02 con chung Huỳnh Thị Ái M, sinh ngày 15/02/2001 và Huỳnh Thị Huyền T, sinh ngày 30/3/2008. Đối với cháu Huỳnh Thị Ái M đã trưởng thành, chị Nhanh và anh Đ không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết, đối với cháu Huỳnh Thị Huyền T khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Trang, chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Thấy rằng, từ khi chị N và anh Đ không còn sống chung thì chị Nhanh là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huỳnh Thị Huyền T. Bên cạnh đó, anh Đ cũng đồng ý giao cháu Huỳnh Thị Huyền T cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Trang cũng có nguyện vọng được sống chung với chị Nhanh. Do đó, giao cháu Huỳnh Thị Huyền T, sinh ngày 30/3/2008 cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[6] Về tài sản chung: Chị Đào Thị N và anh Huỳnh Thanh Đ trình bày không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị Đào Thị N và anh Huỳnh Thanh Đ trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Chị Đào Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 8, 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đào Thị N đối với anh Huỳnh Thanh Đ. Chị Đào Thị N được ly hôn với anh Huỳnh Thanh Đ.

Chị Đào Thị N và anh Huỳnh Thanh Đ không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: Huỳnh Thị Ái M, sinh ngày 15/02/2001 đã trưởng thành, chị Nhanh và anh Đ không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Chị Đào Thị N được trực tiếp nuôi con chung Huỳnh Thị Huyền T, sinh ngày 30/3/2008, ghi nhận chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung: Chị Đào Thị N và anh Huỳnh Thanh Đ trình bày không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Đào Thị N và anh Huỳnh Thanh Đ trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Đào Thị N phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000430, ngày 06/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã H, huyện T;
- Lưu Hs, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Văn Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Mỹ Duyên-Phan Thị Cẩm Hồng

Nguyễn Thị Tư

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đường sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- UBND xã An Điền;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tơ

